DANH SÁCH THỬA ĐẤT GIAO CHO UBND HUYỆN CAO LỘC ĐỂ THỰC HIỆN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

(Kèm theo Quyết định số 630 /QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Số thửa	Tờ BĐĐC số	Diện tích (m2)	Số Lô	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
1	477	96	106,5	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
2	478	96	112,5	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
3	479	96	120,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
4	480	96	120,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
5	481	96	120,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
6	482	96	120,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
7	483	96	110,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
8	484	96	110,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
9	485	96	110,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
10	486	96	110,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
11	487	96	110,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
12	488	96	110,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
13	489	96	100,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
14	490	96	100,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
15	491	96	100,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
16	492	96	100,0	OLK-06	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
17	493	96	107,7	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
18	494	96	102,0	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
19	495	96	102,0	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
20	496	96	102,0	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
21	497	96	102,0	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
22	498	96	102,0	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
23	499	96	102,8	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
24	500	96	104,3	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
25	501	96	100,7	OLK-07	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
26	502	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
27	503	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
28	504	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
29	505	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
30	506	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
31	507	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
32	508	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
33	509	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
34	510	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
35	511	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
36	512	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
37	513	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
38	514	96	100,8	OLK-05	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
39	515	96	109,3	OLK-03	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
40	516	96	105,0	OLK-03	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
41	517	96	105,0	OLK-03	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
42	518	96	105,0	OLK-03	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
43	519	96	105,0	OLK-03	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
44	520	96	102,5	OLK-03	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
45	521	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
46	522	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
47	523	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
48	524	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
49	525	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	

Số TT	Số thửa	Tờ BĐĐC số	Diện tích (m2)	Số Lô	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
50	526	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
51	527	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
52	528	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
53	529	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
54	530	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
55	531	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
56	532	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
57	533	96	100,8	OLK-04	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
58	534	96	100,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
59	535	96	100,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
60	536	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
61	537	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
62	538	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
63	539	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
64	540	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
65	541	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
66	542	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
67	543	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
68	544	96	115,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
69	545	96	113,0	OLK-02	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
70	546	96	100,5	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
71	547	96	100,5	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
72	548	96	100,5	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
73	549	96	100,5	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
74	550	96	102,3	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
75	551	96	102,0	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
76	552	96	100,0	OLK-08	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
77	553	96	103,3	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
78	554	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
79	555	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
80	556	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
81	557	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
82	558	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
83	559	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
84	560	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
85	561	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
86	562	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
87	563	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
88	564	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
89	565	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
90	566	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
91	567	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
92	568	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
93	569	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
94	570	96	102,0	OLK-01	ONT	Thôn Bắc Đông 1, xã Gia Cát	
Tổng cộng: 94 thửa đất			**9.828,7**				